

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HSST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Ba và ông Dương Quang Lương.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2019/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2019/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 01/9/1987; sinh trú quán: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Vũ Thị Đ (đã chết); có vợ là Trần Thị V và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại, (có mặt).

+ Bị hại: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1954; sinh trú quán: Khu 2 thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Đại Thị C, sinh năm 1955 (là vợ ông N); anh Phạm Văn Y, sinh năm 1979; chị Phạm Thị E, sinh năm 1980; anh Phạm Gia TH, sinh năm 1982; chị Phạm Thị L, sinh năm 1987; chị Phạm Thị H, sinh năm 1988 và anh Phạm Văn H, sinh năm 1992 (đều là con của ông N); hiện đang cùng cư trú tại: Khu 2 thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại: Anh Phạm Gia TH, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu 2 thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị V, sinh năm 1993 (là vợ bị cáo T); trú quán: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1985; trú quán: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T có Giấy phép lái xe hạng C do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp còn giá trị sử dụng. Sáng ngày 29/8/2019, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C - 139.XX cùng vợ là chị Trần Thị V đến xã T, huyện M, tỉnh Sơn La để mua quả nhãn về bán. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô trên từ tỉnh Sơn La về các địa điểm tại tỉnh Phú Thọ và tỉnh Vĩnh Phúc để giao hàng. Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 30/8/2019, T điều khiển xe trên đường đôi theo hướng từ thành phố V về huyện Y. Đến khu vực thôn V, xã Đ, T đi ở làn đường thứ hai tính từ giải phân cách ra với vận tốc khoảng 40km/h. Cùng lúc này, ông Phạm Văn N ở thị trấn Y, huyện Y đang điều khiển xe đạp ở phần đường trong cùng bên phải, cách xe của T điều khiển khoảng từ 100m đến 200m. Do lái xe liên tục trong thời gian dài nên T ngủ gật, không tập trung quan sát được người và phương tiện phía trước. Đến khi nghe tiếng va chạm T giật mình tỉnh giấc thì phát hiện xe ô tô đã đi lấn sang phần đường bên phải trong cùng nên đánh lái sang trái làm thùng bên phải va chạm với cột điện ven đường. T xuống xe kiểm tra phát hiện xe ô tô của mình đã va chạm với xe đạp do ông N điều khiển. Hậu quả làm cho ông N bị thương nặng ngay sau đó đã tử vong, 02 phương tiện bị hư hỏng.

Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án; khám nghiệm tử thi và khám nghiệm các phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 1967/KLGĐ ngày 23/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Phạm Văn N là do chấn thương cột sống, tủy sống L4, L5, trên người đa chấn thương.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Lê Văn T đã thăm hỏi, động viên và tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 180.000.000 đồng. Đến nay đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì đồng thời có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho T.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu biển kiểm soát 88C - 139.XX của anh Lê Văn B ở thôn N, xã C, huyện V; 01 xe đạp nhãn hiệu Việt Đức của ông Phạm Văn N; 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Văn T và các mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lê Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người đại diện hợp pháp của gia đình bị hại và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của bị cáo; người đại diện hợp pháp của gia đình bị hại và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại Bản cáo trạng số: 61/CT - VKS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố, tại phiên tòa đã phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của gia đình bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để xác định bị cáo Lê Văn T phạm vào tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 điều 51; khoản 1 khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 14 tháng đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 08 tháng.

Giao bị cáo T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo T.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến bổ sung gì và cũng không ai có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc và của Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp đúng với quy định của pháp luật nên không có kiến nghị khắc phục gì.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác đã khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 30/8/2019, Lê Văn T có Giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C - 139.XX theo hướng từ thành phố V về huyện Yên Lạc. Đến khu vực đường đôi thuộc thôn Vật Cách, xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc do ngủ ngật, không tập trung quan sát, đi không đúng làn đường quy định nên xe ô tô của T đã đâm vào xe đạp do ông Phạm Văn N điều khiển đi phía trước cùng chiều. Hậu quả làm cho ông N bị thương nặng ngay sau đó đã tử vong, hai phương tiện bị hư hỏng.

Với hành vi trên của Lê Văn T đã vi phạm vào quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 13 của Luật giao thông đường bộ.

Tại khoản 1 Điều 9 quy định:

“Người tham gia giao thông phải..., đi đúng làn đường, phần đường quy định...”..

Tại khoản 1 Điều 13 quy định:

“Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước và phải bảo đảm an toàn”.

Hành vi nêu trên của Lê Văn T đã phạm vào tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác; làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình người bị hại; gây hoang mang lo lắng cho những người tham gia giao thông. Trong những năm qua, mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp nhằm giảm bớt các vụ tai nạn giao thông nhưng tình trạng vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông vẫn chưa thuyên giảm, thiệt hại về người và tài sản do các vụ giao thông gây ra còn rất nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, nhưng chủ yếu vẫn là do ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ của người tham gia giao thông còn kém, một phần là do không hiểu biết về các quy định của Nhà nước về an toàn giao thông, một phần là do người tham gia giao thông biết nhưng cố tình vi phạm. Ở vụ án này, bị cáo có giấy phép lái xe theo quy định nên bị cáo hiểu rõ nguyên tắc khi tham gia giao thông là phải đủ điều kiện về sức khỏe trong khi bị cáo phải đi một chặng đường dài thiếu ngủ chưa đủ tỉnh táo để tham gia giao thông nhưng bị cáo vẫn tham gia giao thông dẫn đến gây tai nạn cho ông N, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo ở mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng dẫn dắt và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực cùng gia đình bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, lại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử

thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Văn T cùng vợ là chị Trần Thị V đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Người đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại tại phiên tòa đã xác nhận, gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì khác về mặt dân sự. Chị Vân không yêu cầu đề nghị gì đối với số tiền đã cùng bị cáo T bồi thường cho gia đình bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định, xe ô tô nhãn hiệu biển kiểm soát: 88C - 139.XX là tài sản hợp pháp của anh Lê Văn B; chiếc xe đạp nhãn hiệu Việt Đức là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn N. Ngày 07/10/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Trả lại cho Lê Văn T 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Văn T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với các mẫu vật hoàn lại sau giám định, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: Hậu quả xảy ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi của bị cáo, nhưng xét thấy bị cáo không phải là người sinh sống bằng nghề lái xe cho nên không cần thiết phải áp dụng biện pháp cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 điều 51; khoản 1 khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng. Thời hạn thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo

phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 Giấy phép lái xe hạng C nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Chấn Hưng;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THAHS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh